

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn

-----000-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

**HẠ TẦNG
KHU DÂN CƯ TÂN PHONG - KIM SƠN**

Địa chỉ: phường Tân Phong, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh.

TPHCM, tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

KHU DÂN CƯ TÂN PHONG - KIM SƠN

Địa chỉ: phường Tân Phong, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh.

CHỦ CƠ SỞ

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
KINH DOANH NHÀ KIM SƠN**



TRẦN BÁ HOÀNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG**



Th.S. Nguyễn Phương Nhã

TPHCM, tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	v
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	1
2. Tên cơ sở: Hạ tầng khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn.....	1
2.1. Vị trí của cơ sở	1
2.2. Văn bản pháp lý của cơ sở.....	2
2.3. Quy mô của cơ sở	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	5
3.3. Sản phẩm của cơ sở	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	7
4.1. Danh mục hóa chất sử dụng cho nhu cầu xử lý nước thải.....	7
4.2. Nhu cầu sử dụng điện năng	7
4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	7
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	10
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	10
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	11
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải	15
1.3. Xử lý nước thải.....	16
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	24
2.1. Đối với máy phát điện dự phòng	24
2.2. Đối với mùi hôi phát sinh từ Hệ thống XLNT	24
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	25
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	26
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	27
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	27
6.1. Phòng chống sự cố cháy nổ	27
6.2. Phòng chống sự cố từ hệ thống xử lý nước thải	27

7. Các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt	28
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	30
1. Nội dung cấp phép đối với nước thải	30
2. Nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và yêu cầu về Bảo vệ môi trường	31
3. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:	31
4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	31
4.1. Quản lý chất thải.....	31
4.1.1. <i>Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh</i>	31
4.1.2. <i>Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại</i>	32
4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có)	34
Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ CỦA SƠ SỞ	36
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:	36
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải:	36
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA cơ sở	37
1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	37
2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	37
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI cơ sở	38
1. Các hành vi vi phạm:	38
2. Hoạt động khắc phục các vi phạm.....	38
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ cơ sở.....	39
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	39
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan	39

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	– Nhu cầu oxy sinh hóa đo ở 20 ⁰ C - đo trong 5 ngày
BVMT	– Bảo vệ môi trường
Cefinea	– Trung tâm công nghệ môi trường
CB-CNV	– Cán bộ công nhân viên
CP XD DV	– Cổ phần Xây dựng Dịch vụ
COD	– Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	– Chất thải nguy hại
CTR	– Chất thải rắn
DO	– Ôxy hòa tan
ĐTM	– Đánh giá tác động môi trường
GPMT	– Giấy phép môi trường
KCN	– Khu công nghiệp
PCCC	– Phòng cháy chữa cháy
Pt/Co	– Đơn vị đo màu (thang màu Pt/Co)
QCVN	– Quy chuẩn Việt Nam
SS	– Chất rắn lơ lửng
TCT PP	– Tổng Công ty Phong Phú
ThS	– Thạc sỹ
TPHCM	– Thành phố Hồ Chí Minh
TNMT	– Tài nguyên và Môi trường
TS	– Tiến sỹ
UBND	– Ủy Ban Nhân Dân
XLNT	– Xử lý nước thải
WHO	– World Health Organization - Tổ chức Y tế Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng I-1. Tọa độ khu đất của Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn.....	1
Bảng I-2. Các hạng mục, công trình tại Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn	5
Bảng I-3. Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành.....	7
Bảng I-4. Lưu lượng nước thải thực tế tại trạm XLNT công suất 400 m ³ /ngày.đêm	8
Bảng II.1. Kết quả đo đạc, quan trắc nồng độ các chất ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn và nguồn tiếp nhận	11
Bảng II.2. Bảng xác định giá trị giới hạn	12
Bảng II.3. Tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa mà nguồn nước có thể tiếp nhận được	12
Bảng II.4. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước	13
Bảng II.5. Tải lượng các chất ô nhiễm trên từ Công ty đưa vào nguồn nước	13
Bảng III-1. Bảng thống kê các hạng mục xây dựng	19
Bảng III-2. Bảng thống kê các hạng mục thiết bị.....	20
Bảng III-3. Thống kê chất thải nguy hại.....	26
Bảng III-4. Thông số và giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải	30
Bảng III-5. Thành phần và số lượng chất thải nguy hại phát sinh	31
Bảng III-6. Khối lượng chất thải rắn thông thường trong giai đoạn hoạt động	32
Bảng IV-1. Thống kê vị trí điểm quan trắc	36
Bảng IV-2. Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý	36
Bảng V-1. Kinh phí quan trắc chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.....	37

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình I-1. Hình ảnh vị trí Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn	2
Hình III-1. Sơ đồ nguyên lý hệ thống thu gom thoát nước mưa tại cơ sở.....	15
Hình III-2. Cấu tạo bể tự hoại.....	16
Hình III-3. Hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m ³ /ngày.đêm	17
Hình III-4. Bộ phận xử lý mùi.....	25

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn

- Địa chỉ văn phòng: 222/1 Phan Văn Hân, phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM).
- Người đại diện theo pháp luật của Chủ cơ sở: Ông Trần Bá Hoàng.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 028.899.0269; Fax: 028.899.0269.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 063334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 1997 và thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 9 năm 2004.

2. Tên cơ sở: Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn

2.1. Vị trí của cơ sở

Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn tọa lạc tại phường Tân Phong, quận 7, TPHCM. Khu dân cư có tổng diện tích thu hồi là 90.477 m² và Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn (Công ty) được giao sử dụng 68.135 m² đất ở, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: giáp khu dân cư hiện hữu dọc đường Lê Văn Lương.
- Phía Tây: giáp đường Nguyễn Hữu Thọ, lộ giới 60m.
- Phía Nam: giáp nút giao thông của các đường Nguyễn Văn Linh, đường trục Nguyễn Hữu Thọ và Lê Văn Lương.
- Phía Bắc: giáp rạch Bàng, khu nhà ở của Tổng Công ty Đường Sông Miền Nam.

Khu dân cư nằm trong khu vực trung tâm của quận 7, là khu vực dân cư đông đúc, trong phạm vi cách khu dân cư 2 km có nhiều trường đại học như Trường Đại học Rmit, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Đại học Tôn Đức Thắng... có nhiều chung cư, khu dân cư lân cận... Ngoài ra, còn có nhiều văn phòng, cơ quan gần khu vực cơ sở.

Tọa độ các góc ranh giới của cơ sở được thể hiện theo bảng I-1 sau:

Bảng I-1. Tọa độ khu đất của Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn

STT	Vị trí	X	Y
1	Số hiệu điểm 1	604329,57	1187410,68
2	Số hiệu điểm 2	604436,80	1187439,46
3	Số hiệu điểm 3	603922,34	1187052,58

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2024.



Hình I-1. Hình ảnh vị trí Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn

2.2. Văn bản pháp lý của cơ sở

Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến môi trường:

- Quyết định số 37/QĐ-BQL ngày 14/12/2000 của Ban Quản lý khu Nam, Ủy ban nhân dân TPHCM;
- Quyết định số 671/QĐ-TTG ngày 31/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, để xây dựng cơ sở hạ tầng khu nhà ở tại phường Tân Phong, quận 7 thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố;
- Giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật số 20/GPXD ngày 26/11/2004 do Ban Quản lý khu Nam, Ủy ban nhân dân TPHCM cấp cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn về công trình “Hạ tầng khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn” thuộc thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố;
- Quyết định phê duyệt số 29/QĐ-BQL ngày 11/5/2006 của Ban Quản lý khu Nam, Ủy ban nhân dân TPHCM về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu

dân cư Tân Phong (thuộc khu chức năng số 2), phường Tân Phong, quận 7 thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố;

- Quyết định số 103/QĐ-BQLKN ngày 07/9/2015 của Ban quản lý khu Nam, Ủy ban nhân dân TPHCM về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Tân Phong (thuộc khu chức năng thứ 2), phường Tân Phong, quận 7 thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố;
- Giấy chứng nhận Thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy số 613/TD-PCCC do Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy TPHCM cấp ngày 25/3/2014;
- Giấy chứng nhận Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 02625/CV-KCM-MT ngày 26/12/2000 do Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp;
- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 2162/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 24/12/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho cơ sở “Hạ tầng khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn” của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn.

2.3. Quy mô của cơ sở

Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn có vốn đầu tư (kể cả tiền đền bù và tiền sử dụng đất) là 41.630.164.000 VNĐ bao gồm:

- Vốn tự có, huy động: 33.090.231.000 VNĐ
- Vốn vay: 8.539.933.000 VNĐ.

Căn cứ theo khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 01/01/2020 thì dự án thuộc nhóm C; theo Phụ lục V của nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án thuộc nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường do vậy báo cáo thực hiện theo Phụ lục XII của nghị định này.

Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn đã triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tiện ích công cộng trên diện tích 68.135 m² theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn” số 2162/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 24/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM cấp.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Khu dân cư Tân Phong - Kim Sơn do Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh với diện tích theo ranh đất quy hoạch là 90.477m² và diện tích toàn bộ khu dân cư theo ranh giao đất là 68.135m². Với các hạng mục cơ sở bao gồm: 318 nhà liên kế vườn, 18 biệt thự, 01 trường mẫu giáo, 01 trụ sở công an phường, công viên cây xanh – thể dục thể thao (TĐTT). Hiện nay, cơ sở đã thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng được 89%, phần còn lại chưa đền bù gồm: phần mũi tàu đường Nguyễn Văn Linh, một phần Khu nhà trẻ mẫu giáo (giáp với dự án Khu nhà ở Tổng Công ty Đường Sông Miền Nam), một phần khu thể dục thể thao (giáp với Nhà máy xử lý nước thải (XLNT)).

Quy mô dân số 2.000 người. Bao gồm các hạng mục xây dựng như sau:

a) Nhà ở: Tổng số căn hộ là 336 căn. Trong đó:

- Nhà liên kế vườn: 318 căn
 - + Diện tích đất một căn: 87,5 m² – 198 m²
 - + Mật độ xây dựng: 70 % - 80 %
 - + Tầng cao xây dựng: 4 – 5 tầng
 - + Khoảng lùi công trình xây dựng: khoảng lùi sân trước tối thiểu 2,5 m; khoảng lùi mặt sau tối thiểu là 2,0 m.
- Biệt thự: 18 căn
 - + Diện tích: 187,5 m² – 353 m²
 - + Mật độ xây dựng: 50 % - 60 %
 - + Tầng cao xây dựng: 03 tầng
 - + Khoảng lùi công trình xây dựng: khoảng lùi sân trước tối thiểu 3 m; khoảng lùi mặt sau tối thiểu là 2,0 m; khoảng lùi mặt bên tối thiểu là 2,0 m.

b) Công trình công cộng:

- Trường mẫu giáo: 01 trường
 - + Diện tích: 5.000 m²
 - + Mật độ xây dựng: 30 %
 - + Tầng cao xây dựng: 02 tầng (1 trệt, 1 lầu, mái ngói)
 - + Khoảng lùi công trình xây dựng: khoảng lùi tiếp giáp với đường giao thông và Khu nhà Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam tối thiểu 6,0 m; khoảng lùi tiếp giáp với công viên cây xanh tối thiểu là 3,5 m.
- Trụ sở công an phường:
 - + Diện tích: 120 m²
 - + Mật độ xây dựng: 80 %
 - + Tầng cao xây dựng: 04 tầng
 - + Khoảng lùi công trình xây dựng: khoảng lùi sân trước tối thiểu 2,5 m; khoảng lùi mặt sau tối thiểu là 2,0 m.

c) Công viên cây xanh – TĐTT: được bố trí trong khu nhà biệt thự, nhà liên kế, khu công trình công cộng, khu cây xanh ven rạch Bàng và trên các tuyến đường nội khu.

- Diện tích theo ranh giao đất: 3.970,59 m², chiếm 5,83%.

- Diện tích theo ranh đất quy hoạch: 17.389,56 m².
 - Hệ thống công viên cây xanh bao gồm: công viên cây xanh tập trung xen trong khu dân cư, cây xanh ven rạch Bàng, trong khu cây xanh ven rạch bố trí khu vực TĐTT và công trình hạ tầng kỹ thuật (trạm hạ thế, trạm XLNT cục bộ). Mật độ xây dựng dưới 10%.
 - Khoảng đất dự trữ dọc đường Nguyễn Hữu Thọ trồng cây xanh thảm cỏ tạo cảnh quan.
- d) Đất giao thông:** theo ranh giao đất là 17.926,31m², chiếm 26,30%.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính tạo nên một khu đô thị mới văn minh hiện đại, có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, mang những đặc trưng của quy hoạch phù hợp với cảnh quan môi trường khu vực, phù hợp với quy hoạch phát triển khu vực.
- Cơ sở góp phần giải quyết các nhu cầu về nhà ở và đất ở cho người dân địa phương, cho công nhân từ các khu công nghiệp đang được hình thành ở khu vực và các đối tượng có nhu cầu, góp phần giảm dân các đối tượng trong địa bàn và các vùng lân cận.
- Huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ, nâng cao giá trị sử dụng đất, tạo môi trường hấp dẫn đầu tư, nhanh chóng xây dựng và khai thác các công trình để thu hồi vốn.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là hệ thống hạ tầng kỹ thuật của cơ sở gồm:

- Hệ thống cầu, đường giao thông.
- Hệ thống đường ống cấp nước cho khu đô thị.
- Hệ thống thoát nước mưa, các trạm bơm.
- Hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện và trồng cây xanh.
- Hệ thống xử lý nước thải, trạm xử lý nước thải 400 m³/ngày.đêm.

Từ năm 2001 đến nay đã hoàn thành 89 % hạng mục cơ sở hạ tầng gồm: đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống chiếu sáng, lưới điện trung hạ thế, xây dựng hệ thống XLNT... Cụ thể hiện trạng xây dựng tại cơ sở như bảng sau:

Bảng I-2. Các hạng mục, công trình tại Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn

STT	Hạng mục	Các công trình tại cơ sở	Các công trình đã xây dựng			Các công trình sẽ xây dựng			Ghi chú
			Số lượng	Diện tích tổng m ²	Tỷ lệ %	Số lượng	Diện tích tổng m ²	Tỷ lệ %	
1	Đất ở	336 căn (36.205 m ²)	241 căn	24.100	71,72	95 căn	9.500	28,28	
	Nhà liên kế	318 căn	234 căn	23.400	73,58	84 căn	8.400	26,42	Công ty chuyên giao đất nền cho dân tự xây nhà theo quy hoạch
	Biệt thự	18 căn	7 căn	1.400	38,88	9 căn	2.200	61,12	
2	Đất công trình công cộng	9.033,1 m ²			0,17			13,09	Giao lại cho UBNDTPHCM để giao cho đơn vị quản lý khai thác đầu tư xây dựng
	Trường mẫu giáo	5.000 m ²	-	-	-	1	5.000	7,32	
	Trụ sở Công an Phường	120 m ²	1	120	0,17	-	-	-	
3	Đất cây xanh - TDTT	3.970,59	-	1.350	1,98	-	1.620,59	3,85	
4	Đất giao thông, vỉa hè	17.926,31	-	15.954,41	23,40	-	1.971,9	2,90	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2023.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

Công ty đã hoàn thiện, bàn giao và đưa vào sử dụng các hạng mục tại cơ sở.

Hiện nay, Công ty đang thực hiện quản lý hạ tầng và vận hành hệ thống xử lý nước thải của Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn.

4.1. Danh mục hóa chất sử dụng cho nhu cầu xử lý nước thải

Hóa chất sử dụng cho mục đích xử lý nước thải và hệ thống xử lý mùi tại trạm xử lý như Bảng I-3 sau:

Bảng I-3. Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành

STT	Tên hóa chất	Lượng sử dụng	Đơn vị
1	NaOH	10	Kg/ngày.đêm
2	Soda lights	25	Kg/ngày.đêm
3	Dinh dưỡng (mật rỉ)	10	Kg/ngày.đêm
4	NaOCl	5	Kg/ngày.đêm

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2023.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện năng

Công ty sử dụng nguồn điện do Công ty điện lực Tân Thuận – Tổng Công ty Điện lực TPHCM cấp. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở khoảng 10.000 Kwh/tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Tổng lượng nước thải phát sinh tại dự án theo tính toán lý thuyết là 312,64 m³/ngày.đêm (Tiêu chuẩn dùng nước được sử dụng theo Quyết định số 103/QĐ-BQLKN ngày 07/8/2006). Trong đó:

- Nước cấp sinh hoạt tại các nhà liên kế/biệt thự: 1.686 người x 180 lít/người/ngày = 302,4 m³/ngày.đêm.
- Nước cấp cho trường mẫu giáo: 100 bé x 100 lít/người/ngày = 10 m³/ngày.đêm.
- Nước cấp cho trụ sở công an: 120 m² x 2 lít/m²sàn/ngày = 0,24 m³/ngày.đêm.
- Nước cấp cho hoạt động tưới cây và rửa đường: (3 + 0,5) lít/m² x 17.389,56 m² = 61m³ (theo TCXDVN 33:2006/BXD, định mức cho hoạt động tưới cây là 3 lít/m² và hoạt động rửa đường là 0,5 lít/m²).
- Nước dự phòng cho công tác cứu hỏa: giả sử 1 đám cháy diễn ra trong vòng 3 giờ: 10 lít/giây x 3 giờ x 3.600 = 180 m³.

Thực tế tại cơ sở, Chủ cơ sở đã bàn giao, chuyển nhượng quyền sử dụng đất từng nhà liên kế/biệt thự cho cư dân. Vì vậy, cụ thể lượng nước cấp của các hộ dân tại cơ sở sẽ không được cập nhật tại Ban quản lý. Tuy nhiên, theo như hạ tầng đã được xây dựng thì toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của khu dân cư sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ được dẫn về trạm XLNT của khu dân cư. Hiện tại, trạm XLNT này đang hoạt động ổn định với công suất thiết kế của hệ thống là 400 m³/ngày.đêm. Thống kê lưu lượng 3 tháng gần đây tại hệ thống như bảng I-4 sau:

Bảng I-4. Lưu lượng nước thải thực tế tại trạm XLNT công suất 400 m³/ngày.đêm

STT	Thời gian	Chỉ số đồng hồ	Lưu lượng đầu vào	STT	Thời gian	Chỉ số đồng hồ	Lưu lượng đầu vào
I	Tháng 1/2024						
1	01/01/2024	27929	211	16	16/01/2024	31312	247
2	02/01/2024	28135	206	17	17/01/2024	31555	243
3	03/01/2024	28343	208	18	18/01/2024	31794	239
4	04/01/2024	28546	203	19	19/01/2024	32040	246
5	05/01/2024	28756	210	20	20/1/2024	32279	239
6	06/01/2024	28964	208	21	21/01/2024	32527	248
7	07/01/2024	29179	215	22	22/01/2024	32769	242
8	08/01/2024	29399	220	23	23/01/2024	33009	240
9	09/01/2024	29620	221	24	24/01/2024	33222	213
10	10/01/2024	29857	237	25	25/01/2024	33446	224
11	11/01/2024	30088	231	26	26/01/2024	33656	210
12	12/01/2024	30323	235	27	27/01/2024	33863	207
13	13/01/2024	30567	244	28	28/01/2024	34055	192
14	14/01/2024	30815	248	29	29/01/2024	34212	157
15	15/01/2024	31065	250	30	30/01/2024	34364	152
				31	31/01/2024	34515	151
II	Tháng 02/2024						
1	01/02/2024	34666	151	16	16/02/2024	36449	145
2	02/02/2024	34820	154	17	17/02/2024	36591	142
3	03/02/2024	34952	132	18	18/02/2024	36748	157
4	04/02/2024	35082	130	19	19/02/2024	36908	160
5	05/02/2024	35190	108	20	20/02/2024	37079	171
6	06/02/2024	35307	117	21	21/02/2024	37254	175

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn”

7	07/02/2024	35419	112	22	22/02/2024	37441	187
8	08/02/2024	35528	109	23	23/02/2024	37657	216
9	09/02/2024	35629	101	24	24/02/2024	37889	232
10	10/02/2024	35739	110	25	25/02/2024	38129	240
11	11/02/2024	35847	108	26	26/02/2024	38377	248
12	12/02/2024	35951	104	27	27/02/2024	38631	254
13	13/02/2024	36060	109	28	28/02/2024	38890	259
14	14/02/2024	36176	116	29	29/02/2024	39151	261
15	15/02/2024	36304	128	30			
II	Tháng 03/2024						
1	01/03/2024	9469	118	16	16/03/2024	12924	180
2	02/03/2024	9684	215	17	17/03/2024	13158	234
3	03/03/2024	9844	160	18	18/03/2024	13379	221
4	04/03/2024	10080	236	19	19/03/2024	13609	230
5	05/03/2024	10308	228	20	20/03/2024	13845	236
6	06/03/2024	10553	245	21	21/03/2024	14080	235
7	07/03/2024	10788	235	22	22/03/2024	14263	183
8	08/03/2024	10993	205	23	23/03/2024	14501	238
9	09/03/2024	11209	216	24	24/03/2024	14730	229
10	10/03/2024	11446	237	25	25/03/2024	14972	242
11	11/03/2024	11687	241	26	26/03/2024	15201	229
12	12/03/2024	11919	232	27	27/03/2024	15489	288
13	13/03/2024	12292	373	28	28/03/2024	15750	261
14	14/03/2024	12538	246	29	29/03/2024	15935	185
15	15/03/2024	12744	206	30	30/03/2024	16132	197
					31/03/2024	16353	221

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2024.

Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Năm 1994, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch Khu đô thị mới Nam TPHCM với quy mô 2.975 ha (gấp 4 lần khu đô thị mới Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức) thuộc địa bàn quận 7, quận 8, huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh. Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn do Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn làm chủ đầu tư là một dự án thành phần trong tổng hợp dự án Khu đô thị mới Nam TPHCM. Đây là một trong số các dự án đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã thực hiện được chủ trương lớn của thành phố trong định hướng quy hoạch phát triển về phía Nam, phát triển các khu dân cư mới phục vụ cho việc giãn dân từ nội thành ra ngoại thành và các quận mới tại thời điểm thành lập dự án.

Cơ sở đã được Ban quản lý Khu Nam phê duyệt quyết định chi tiết đầu tư số 37/QĐ-BQLKN ngày 14/12/2000; được Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 02625/CV-KCM-MT ngày 26/12/2000; được Ban quản lý khu Nam cấp Giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật số 20/GPXD và được Ban quản lý khu Nam phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 số 29/QĐ-BQL ngày 11/5/2006.

Như vậy, dự án đã phù hợp với Quyết định số 2631/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/12/2013 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội TPHCM đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, mục tiêu tổng quát là xây dựng TPHCM văn minh, hiện đại với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn đối với khu vực và cả nước; từng bước trở thành trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học – công nghệ của đất nước và khu vực Đông Nam Á; góp phần tích cực đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phát triển TPHCM thành trung tâm văn hóa, thể thao, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước; đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tóm lại, việc triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở là phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của TPHCM.

Để phát triển bền vững, đi đôi với phát triển kinh tế – xã hội dự án đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường TPHCM phê duyệt tại Quyết định số 2162/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 24/12/2015.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận, chúng tôi tiến hành lấy kết quả quan trắc chất lượng nước mặt của rạch Bàng do Trung tâm Công nghệ Môi trường lấy vào tháng 02/2024 để đánh giá. Các chất ô nhiễm: TSS, BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻. Lưu lượng xả thải tối đa của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn là 375 m³/ngày đêm (312,64m³/ngày.đêm x 1.2 hệ số an toàn) ~ 0,017 m³/s. Với lưu lượng rạch Bàng vào mùa kiệt là Q = 2,1 m³/s.

Các thông số thể hiện nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải và nguồn tiếp nhận được lấy theo giá trị trung bình của của kết quả phân tích mẫu nước sông và mẫu nước thải đầu ra hệ thống xử lý. Các thông số được thể hiện ở Bảng II.1 như sau:

(Kết quả phân tích được đính kèm trong Phụ lục 2).

Bảng II.1. Kết quả đo đạc, quan trắc nồng độ các chất ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn và nguồn tiếp nhận

STT	Thông số	Nồng độ (mg/l)	
		Nguồn tiếp nhận	Nguồn thải
1	BOD ₅	4	11
2	COD	11	19
3	Nitrat (NO ₃ ⁻)	1,02	4,95
4	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	0,067	4,3
5	NH ₄ ⁺	< 0,01	KPH

Nguồn: Kết quả phân tích Quý IV/2023.

Tính toán khả năng tiếp nhận nguồn nước

Phương pháp đánh giá được lựa chọn là **phương pháp đánh giá trực tiếp** được áp dụng tại mục 3 Điều 82 - **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ** theo hướng dẫn tại **Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 - Thông tư Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.**

Công thức áp dụng cho phương pháp đánh giá gián tiếp như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{mn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}$$

Trong đó:

- **L_{tn} (kg/ngày):** là khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải với từng thông số ô nhiễm.

- L_{td} (kg/ngày): là tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước đối với chất ô nhiễm đang xem xét.
- L_{mn} (kg/ngày): là tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn tiếp nhận.
- L_{tt} (kg/ngày): là tải lượng chất ô nhiễm có trong nguồn nước thải.
- F_s : Hệ số an toàn, lấy $F_s = 0,7$.
- NP_{td} (kg/ngày): là tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, lấy $NP_{td} = 0$.

Hiện tại, Rạch Bàng không có trong bảng phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn TPHCM. Tuy nhiên, Rạch Bàng có chiều dài không dài, nước sau khi thải vào Rạch Bàng sẽ dẫn về rạch Đĩa. Theo Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 06/5/2014, từ năm 2021 trở đi phân vùng xả thải tại rạch Đĩa là loại B nên giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo Quy chuẩn QCVN 08-MT:2023/BTNMT, cột B, cụ thể như Bảng II.2 sau:

Bảng II.2. Bảng xác định giá trị giới hạn

STT	Thông số	BOD ₅	TSS	NH ₄ ⁺
1	Giá trị giới hạn = C_{qc} (mg/l)	6	100	1,5

Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - QCVN 08-MT:2023/BTNMT, cột B.

Áp dụng công thức tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa của thông số chất lượng nước mặt: $L_{td} = Q_s * C_{qc} * 86,4$ ta có:

Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt: $L_{td} = C_{qc} * Q_s * 86,4$

Bảng II.3. Tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa mà nguồn nước có thể tiếp nhận được

STT	Thông số	Q_s (m ³ /s)	C_{qc} (mg/l)	L_{td} (kg/ngày)
1	BOD ₅	2,1	6	1088,64
2	TSS	2,1	100	18144,00
3	NH ₄ ⁺	2,1	1,5	28123,20

Nguồn: Trung tâm Công nghệ Môi trường, 2024.

Ghi chú:

- L_{td} (kg/ngày): là tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước đối với chất ô nhiễm đang xem xét.
- Q_s (m³/s): Lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất ở đoạn sông cần đánh giá.
- C_{qc} (mg/l): Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt được quy định tại quy chuẩn Việt Nam.

- 86,4: Hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận: $L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4$.

Bảng II.4. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước

STT	Thông số	Q _s (m ³ /s)	C _{nn} (mg/l)	L _{nn} (kg/ngày)
1	BOD ₅	2,1	4	725,76
2	TSS	2,1	11	1995,84
3	NH ₄ ⁺	2,1	0,14	25,40

Nguồn: Trung tâm Công nghệ Môi trường, 2024.

Trong đó:

- L_{nn} (kg/ngày): Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn tiếp nhận.
- Q_s (m³/s): Lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất ở đoạn sông cần đánh giá.
- C_{nn} (mg/l): Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt.
- 86,4: Hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Tải lượng ô nhiễm từ nguồn xả đưa vào nguồn nước: $L_{tt} = Q_t * C_t * 86,4$.

Bảng II.5. Tải lượng các chất ô nhiễm trên từ Công ty đưa vào nguồn nước

STT	Thông số	Q _t (m ³ /s)	C _t (mg/l)	L _{tt} (kg/ngày)
1	BOD ₅	0,017	11	16,1568
2	TSS	0,017	12	17,6256
5	NH ₄ ⁺	0,017	-	0

Nguồn: Trung tâm Công nghệ Môi trường, 2024.

Trong đó:

- Q_t (m³/s): Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn rạch cần đánh giá,
- C_t (mg/l): Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn rạch cần đánh giá,
- 86,4: Hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày),

Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải: $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) * F_s + NP_{td}$

STT	Thông số	L _{td} (kg/ngày)	L _{nn} (kg/ngày)	L _{tt} (kg/ngày)	F _s	NP _{td}	L _{tn} (kg/ngày)
1	BOD ₅	1088,64	725,76	16,1568	0,8	0	233,6256
2	TSS	18144,00	1995,84	17,6256	0,8	0	16.007,16
3	NH ₄ ⁺	28123,20	25,40	0	0,8	0	28.097,8

F_s : hệ số an toàn có giá trị từ $0,7 < F_s < 0,9$ Chọn $F_s = 0,8$.

Nhận xét: Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận thì rạch Bàng có khả năng tiếp nhận các chất ô nhiễm như BOD₅, TSS, NH₄⁺, trong nguồn nước thải.

Do đó, nước thải sinh hoạt tại khu dân cư khi thải vào nguồn tiếp nhận không gây tác động đến khả năng tiếp nhận của nguồn nước.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

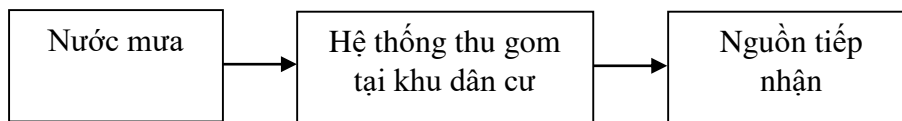
Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng riêng biệt với hệ thống nước thải. Sử dụng hệ thống công tròn bê tông cốt thép, đặt ngầm để tổ chức thoát nước mưa triệt để, tránh ngập úng cục bộ. Hướng thoát nước về phía Bắc ra rạch Bàng, sau đó dẫn về rạch Đĩa.

Cống thoát nước được bố trí dưới hè đi bộ và có tim ống cách lề từ 0,8 – 1,2 m. Nối ống theo nguyên tắc độ sâu tối thiểu 0,6m. Công băng qua đường đặt với $\Phi 300$ và độ dốc 2%.

Tổng chiều dài cống thoát nước mưa các loại: 2.456 m (bao gồm các loại $\Phi 300$, $\Phi 400$, $\Phi 500$, $\Phi 600$, $\Phi 800$, $\Phi 1.000$).

Giếng thu: 161 cái; miệng xả 2 cái.

Nguyên lý hệ thống thu gom nước mưa tại cơ sở được trình bày như Hình III-1 sau:



Hình III-1. Sơ đồ nguyên lý hệ thống thu gom thoát nước mưa tại cơ sở

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2023.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ các khu nhà ở (khu nhà liên kế vườn, biệt thự, trường mẫu giáo...) trong khu dân cư được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó thoát vào hệ thống thoát nước bản của khu dân cư và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của khu dân cư.

Cống bê tông cốt thép có đường kính từ $\Phi 200$ - $\Phi 300$; độ sâu chôn tối thiểu 0,5 m (tính từ mặt đất đến đỉnh giếng); giếng kỹ thuật có kích thước 600 mm x 600 mm.

Tổng chiều dài công: 2.067 m. Giếng kỹ thuật: 108 cái.

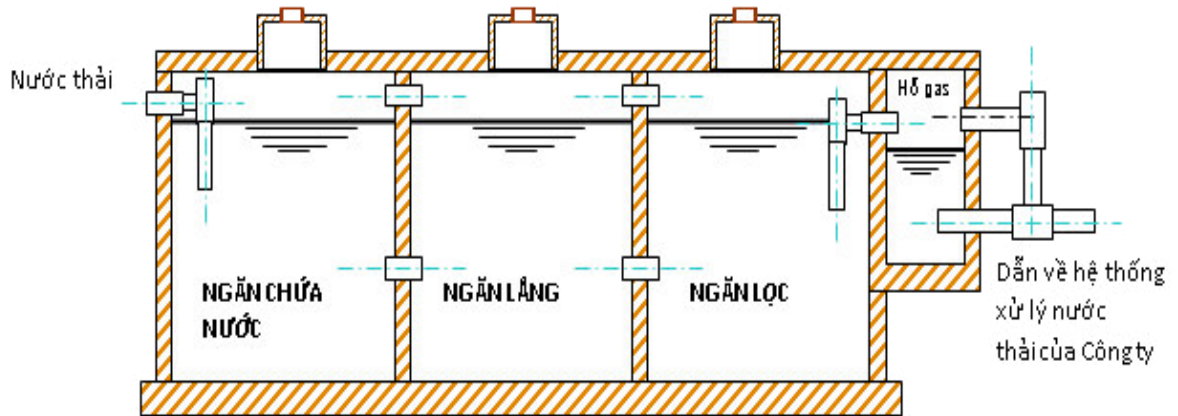
Tất cả các hộ dân trong khu dân cư phải xử lý sơ bộ nước thải bằng bể tự hoại trước khi xả thải vào mạng lưới thoát nước của khu dân cư.

Bảng vẽ mạng lưới thoát nước thải của khu dân cư sẽ được trình bày tại phần phụ lục.

1.3. Xử lý nước thải

Bể tự hoại được xây dựng theo quy chuẩn của Bộ xây dựng, gồm 3 ngăn hoạt động với chức năng chính là lắng và phân hủy cặn lắng bằng vi sinh vật. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy từ từ.

Cấu tạo bể tự hoại được thể hiện trong Hình III-2 như sau:



Hình III-2. Cấu tạo bể tự hoại

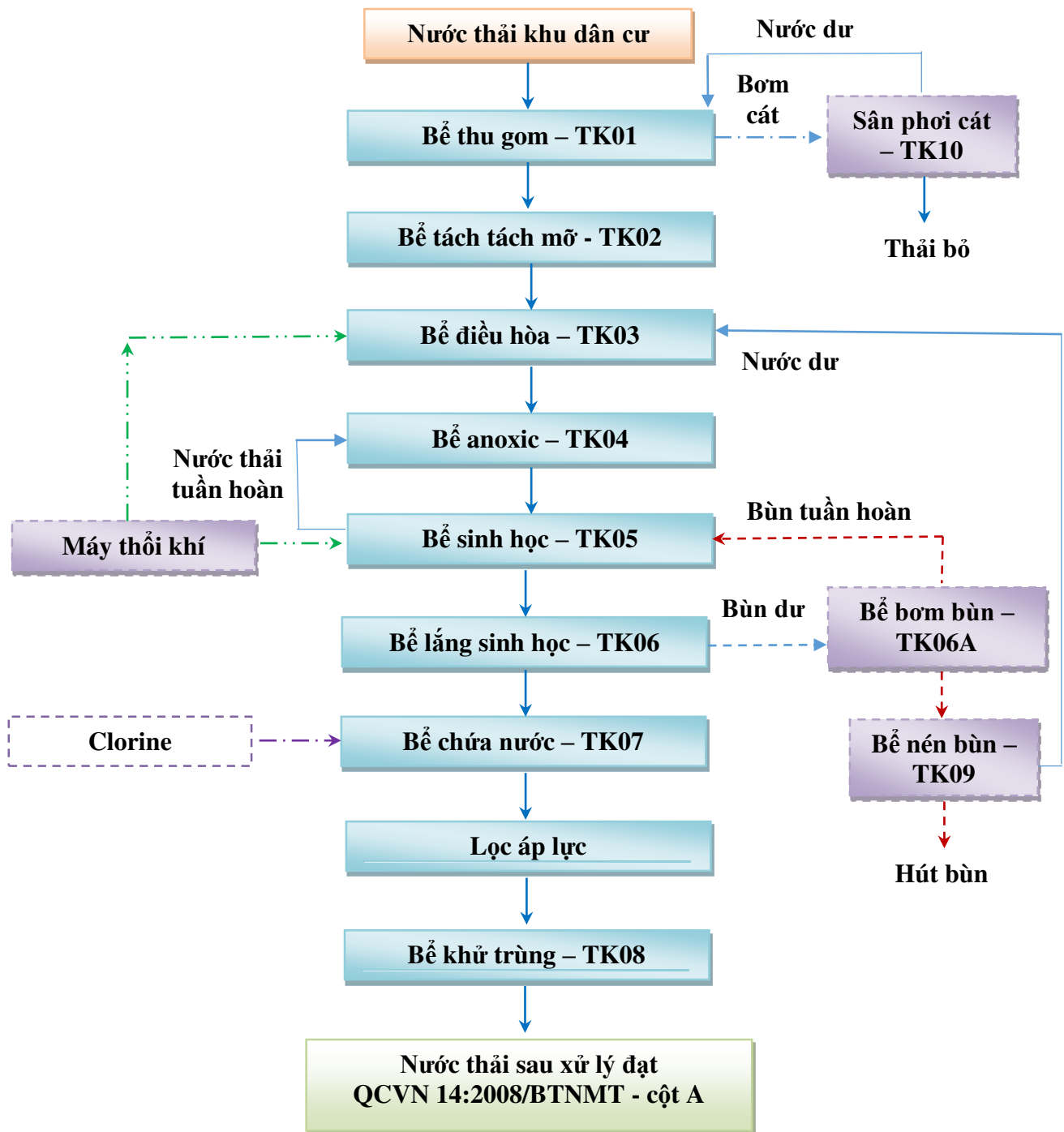
Bể tự hoại 3 ngăn có một số đặc tính sau:

- Có chức năng lắng và phân hủy cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể và dưới tác động của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ được phân hủy.
- Nước thải lưu trong bể lắng tự hoại với thời gian từ 1 đến 3 ngày nên đạt hiệu suất lắng và xử lý cao.
- Áp dụng hiệu quả trong việc xử lý nước thải đối với các nguồn thải có lưu lượng nhỏ.
- Có thể xây dựng được bằng các vật liệu rẻ tiền (gạch đá, bê tông cốt thép, sắt tấm), thi công dễ dàng...
- Chi phí vận hành rẻ tiền.
- Vận hành đơn giản và thời gian hút bùn cặn theo thiết kế và lưu lượng thải khoảng 6 tháng

Trạm xử lý nước thải của khu dân cư được đặt ở khu công viên cây xanh cuối khu đất, có công suất 400 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, k = 1 trước khi thải ra rạch Bàng.

Hệ thống thiết kế đã đáp ứng được nhu cầu XLNT, chất lượng nước sau khi xử lý ổn định, đạt quy chuẩn nguồn thải.

Quy trình công nghệ Hệ thống xử lý nước thải được trình bày tại Hình III-3:



Hình III-3. Hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm

Thuyết minh công nghệ:

a. Bể thu gom TK01:

Nước thải phát sinh được tập trung dẫn vào bể thu gom trước khi đưa về hệ thống XLNT. Trước bể có đặt song chắn rác thô nhằm tách rác thải có kích thước lớn ≥ 10 mm để bảo vệ bơm và các công trình phía sau.

b. Bể tách mỡ - TK02:

Nước thải bơm về bể tách mỡ để loại bỏ các dầu mỡ ở dạng huyền phù do chênh lệch tỷ trọng so với nước.

c. Bể điều hoà – TK03:

Bể điều hoà thiết kế nhằm cân bằng lưu lượng cũng như nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải. Bể điều hoà được cấp khí khuấy trộn thông qua hệ thống máy thổi khí, ống và đĩa phân phối khí. Việc cấp khí giúp nước thải được khuấy trộn đều, làm ổn định nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải giúp hệ thống xử lý phía sau vận hành ổn định mà không cần phải điều chỉnh nhiều.

d. Xử lý sinh học – Bể thiếu khí (TK04) kết hợp hiếu khí (TK05)

Sau khi được điều hoà ổn định, nước thải được bơm sang bể xử lý sinh học. Có 02 bể sinh học được phối hợp nhằm loại bỏ các chất hữu cơ (BOD₅, COD), nitrat hoá (phản ứng chuyển NH₄⁺ thành NO₃⁻) và khử Nitrat (chuyển NO₃⁻ thành khí N₂). Hai (02) bể sinh học này được thiết kế và vận hành ở 2 điều kiện môi trường khác nhau: thiếu khí (thiếu oxy) và hiếu khí (giàu oxy). Trong đó, bể thiếu khí đặt trước bể hiếu khí. Bể hiếu khí có nhiệm vụ loại bỏ các chất hữu cơ và nitrat hoá. Bể thiếu khí có nhiệm vụ khử nitrat. Để thực hiện việc khử nitrat, hỗn hợp bùn và nước ở cuối bể hiếu khí (có chứa nhiều nitrat) sẽ được bơm tuần hoàn lại bể thiếu khí.

Bể thiếu khí Anoxic – TK04 được trang bị máy khuấy chìm nhằm khuấy trộn đều bùn và nước thải, kích thích quá trình phản ứng khử nitrat.

Bể đệm sinh học hiếu khí – TK05 được thiết kế nhằm loại bỏ các chất hữu cơ (phần lớn ở dạng hòa tan) trong điều kiện hiếu khí (giàu oxy). Các vi sinh hiếu khí sử dụng oxy sẽ tiến hành phân hủy các chất hữu cơ tạo khí CO₂ giúp quá trình sinh trưởng, phát triển và tạo năng lượng. Phương trình phản ứng tổng quát cho quá trình phản ứng này được diễn tả như sau:

Chất hữu cơ + O₂ -> CO₂ + tế bào mới + năng lượng + H₂O.

Ngoài việc chuyển hóa các chất hữu cơ thành CO₂ và H₂O, các vi sinh hiếu khí này cũng giúp chuyển hóa Nitơ thành Nitrat (NO₃⁻) nhờ vi khuẩn có tên là vi khuẩn Nitrat hóa (Nitrifying micro-organisms). Phương trình phản ứng diễn tả quá trình này được trình bày ở dưới:

Nitrat hóa: NH₄ + 2O₂ + HCO₃⁻ -> NO₃⁻ + 2CO₂ (khí) + 3H₂O (1)

Nitrat sinh ra ở bể hiếu khí được bơm tuần hoàn lại bể thiếu khí (TK03) phía trước nhằm tiến hành quá trình khử NO₃⁻, theo phương trình phản ứng sau:

Khử NO: Chất hữu cơ + NO₃⁻ → N₂ (khí) + CO₂ (khí) + H₂O + OH⁻ (2)

Chất hữu cơ cấp cho phản ứng (2) có sẵn trong dòng vào của nước thải.

Oxy được cấp vào bể hiếu khí nhờ hệ thống máy thổi khí, ống khí được bố trí đều dưới đáy bể.

e. Bể lắng sinh học - TK06

Bằng cơ chế của quá trình lắng trọng lực, bể lắng có nhiệm vụ tách cặn vi sinh từ bể xử lý sinh học hiếu khí lơ lửng dính bám mang sang. Nước thải ra khỏi bể lắng có hàm lượng cặn (SS) giảm đến hơn 80%. Bùn lắng ở đáy bể lắng sẽ được dẫn sang bể bơm bùn và được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể xử lý sinh học hiếu khí để bổ sung lượng bùn theo nước đi qua ngăn lắng.

Phần bùn dư sẽ được chuyển định kỳ về bể nén bùn. Nước trong trên mặt bể lắng sẽ chảy tràn sang bể khử trùng.

f. Bể chứa nước – TK07

Chứa nước sau lắng và được bơm trực ngang bơm trực tiếp lên thiết bị lọc áp lực sẽ loại bỏ lượng SS còn sót lại sau quá trình lắng.

g. Bể khử trùng – TK08

Bể khử trùng có nhiệm vụ chứa nước và khử trùng tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh. Hóa chất được sử dụng để khử trùng nước thải là NaOCl.

h. Bể nén bùn – TK09

Trong thời gian đầu khí vi sinh chưa ổn định được mật độ hoặc trong quá trình vận hành có cầy lại vi sinh thì lượng bùn lắng ở đáy bể sẽ được tuần hoàn gần như 100% về bể xử lý sinh học hiếu khí. Còn trong những thời điểm đã ổn định thì phần bùn lắng tuần hoàn lại khoảng 70% lượng bùn sinh ra, chỉ khoảng 30% lượng bùn bơm về bể chứa bùn.

i. Hệ thống xử lý mùi

Trong kiểm soát ô nhiễm không khí, bể xử lý sinh học đơn giản được sử dụng để tiêu thụ chất ô nhiễm trong dòng khí nhiễm bẩn. Phần lớn các hợp chất đều bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật trong những điều kiện nhất định. Điều này luôn đúng đối với các chất hữu cơ, nhưng một số vi sinh vật có thể phân hủy được các chất vô cơ như hydrogen sulfide và nitrogen oxides.

Để đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu vực xử lý, mùi hôi từ các bể sẽ được thu gom về hệ thống xử lý khí bằng quạt hút, các bể này được thiết kế có nắp đậy để tránh phát tán mùi ra xung quanh.

Hệ thống xử lý mùi hôi bao gồm quạt hút khí từ các bể và tháp hấp thụ bằng than hoạt tính. Dòng khí ở trong tháp sẽ đi từ phía đáy tháp lên đi qua lớp than hoạt tính, mùi hôi sẽ bị khử hoàn toàn, còn khí sạch sẽ dẫn ra ngoài.

Các hạng mục xây dựng được thể hiện như bảng III-1 sau:

Bảng III-1. Bảng thống kê các hạng mục xây dựng

TT	Hạng mục	Quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	- Bể gom - TK01	- KT: L x B x H(m)= 2,3 x 1,5 x 3,5(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
2	- Bể tách mỡ - TK02	- KT: L x B x H(m)= 5,6 x 1,5 x 4,2(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
3	- Bể điều hòa - TK03	- KT: L x B x H(m)= 6,0 x 5,8 x 4,2(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
4	- Bể anoxic - TK04	- KT: L x B x H(m)= 5,5 x 3,8 x 4,2(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
5	- Bể sinh học - TK05	- KT: L x B x H(m)= 7,5 x 5,7 x 4,2(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
6	-Bể lắng - TK06	- KT: L x B x H(m)= 5,0 x 5,0 x 4,2(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
7	- Bể bơm bùn - T06A	- KT: L x B x H(m)= 2,3 x 0,8 x 4,2(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
8	- Bể chứa nước - TK07	- KT: L x B x H(m)= 2,3 x 2,3 x 4,2(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
9	- Bể khử trùng - TK08	- KT: L x B x H(m)= 2,3 x 1,5 x 4,2(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
10	- Bể chứa bùn - TK09	- KT: L x B x H(m)= 5,5 x 3,5 x 4,2(m) - Vật liệu: BTCT, quét chống thấm.	Bể	1
11	- Nhà vận hành - N01/02/03	- KT: L x B(m)= 14,57 x 4,25(m) - Vật liệu: Tường gạch, mái tole.	Nhà	1

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2024.

Hạng mục thiết bị được thể hiện tại bảng III-2 như sau:

Bảng III-2. Bảng thống kê các hạng mục thiết bị

TT	Diễn giải	Xuất xứ	Quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
Bể thu gom - TK01					
1	Song chắn rác - SC01	Việt Nam	- Khe lưới: 10mm - Vật liệu: SS304	Bộ	1
2	Bơm nước thải - WP01A/B	Speroni - Ý	- Model: SQ 25-2,2 - Kiểu: Bơm chìm - Lưu lượng: 29,2m ³ /h; H= 10m H ₂ O	Bộ	2

			- Điện áp: 380V/3pha/50Hz; 2,2kW - Bao gồm: Khớp nối tự động - Việt Nam		
3	Bơm cát - WP01C	Speroni - Ý	- Model: ECT 100 V - Kiểu: Bơm chìm - Lưu lượng: 9m ³ /h; H= 8m H ₂ O - Điện áp: 380V/3pha/50Hz; 0,75kW	Bộ	1
4	Pa lăng kéo bơm	Cleantech - Gia công	- Vật liệu: Thép CT3 - Pa lăng: Hàn Quốc - Tải trọng: 500kg	Bộ	1
Bể điều hòa - TK03					
1	Bơm nước thải - WP03A/B	Speroni - Ý	- Model: SQ 15-1,1 - Kiểu: Bơm chìm - Lưu lượng: 16,7m ³ /h; H= 8m H ₂ O - Điện áp: 380V/3pha/50Hz; 1,1kW - Bao gồm: Khớp nối tự động - Việt Nam	Bộ	2
2	Đồng hồ đo lưu lượng -FM03	Siemens - EU	- Model: Mag 5100W - Loại: Điện từ - Đường kính danh định: DN50 - Output 4-20Ma - Nguồn cấp: 220V	Bộ	1
3	Đĩa phân phối khí thô - D03	SSI - USA	- Loại: Diffusur dạng đĩa - Vật liệu màng: EPDM - Đường kính: 3”	Cái	35
Bể anoxic - TK04					
1	Mixer khuấy trộn chìm - SM04	Tsurumi - Nhật	- Model: MR0.75-4D - Q=3,6m ³ /min - Điện áp: 3pha-4Pole-380v-50Hz-0,75Kw - Bao gồm: Thanh trượt và xích kéo mixer: SUS 304 - Việt Nam	Bộ	1
Bể sinh học - TK05					
1	Máy thổi khí - AB01A/B	Tsurumi - Nhật Lắp ráp tại Đài Loan	- Model: TSR2-125 - Kiểu: Root - Lưu lượng: 9,34m ³ /phút - Cột áp: 4,0m		

			- Motor: 11,0kW; 380V/3pha/50Hz; (Xuất xứ: Úc) Bao gồm: Ống giảm thanh hút - đẩy, van 1 chiều, đồng hồ áp lực, puli, cua-ro, khớp nối mềm, khung đế		
2	Bơm nước thải tuần hoàn - WP05A/B	Speroni - Ý	- Model: SQ 15-1,1 - Kiểu: Bơm chìm - Lưu lượng: 16,7m ³ /h; H= 8m H ₂ O - Điện áp: 380V/3pha/50Hz; 1,1kW - Bao gồm: Khớp nối tự động - Việt Nam		
3	Giá thể vi sinh - BiO	Nhật Bản	Giá thể vi sinh Swimbed BiOFringe - Dạng sợi - Kích thước 1 sợi: D100mm x H1000mm - Sản xuất theo dạng module gồm: 12sợi x 1.0m/1 module, khoảng cách 2 sợi: 0,1m - Vật liệu: Sợi dây đứng chính Polyester/sợi ngang Acrylic - Màu sắc: trắng		
4	Khung, cáp đỡ giá thể	Việt Nam	- Cáp treo inox 304: 3mm - Thành giằng SUS 304 V40x40 3mm - Bulong mở M10	Bộ	1
5	Đĩa phân phối khí tinh - D05	SSI - USA	- Loại: Diffusur dạng đĩa - Vật liệu màng: EPDM - Đường kính: 9”	Cái	47
Bể lắng sinh học - TK06					
1	Mô tơ giảm tốc gạt bùn bể lắng - SS06	Sumitomo - Singapore	- Model: CVVM02-6160TB-43129	Bộ	1
2	Thanh gạt bùn bể lắng và phụ kiện	Cleantech - Gia công	- Vật liệu: SUS 304	Bộ	1
3	Ống trung tâm, máng răng cưa thu nước và phụ kiện	Cleantech - Gia công	- Vật liệu: SUS 304	Bộ	1

Bể bơm bùn - TK06A					
1	Bơm bùn - SP06A/B	Speroni - Ý	- Model: ECT 100 V - Kiểu: Bơm chìm - Lưu lượng: 9m ³ /h; H= 8m H ₂ O - Điện áp: 380V/3pha/50Hz; 0,75kW	Bộ	2
Bể chứa nước - TK07					
1	Bơm lọc áp lực - WP07A/B	Speroni - Italia	- Model: CS 32-160 A - Dạng trục ngang - Q= 20m ³ /h, H= 31m - Điện áp: 3,0kW/380V/3pha	Bộ	2
2	Bồn lọc áp lực - F07	Việt Nam	- Kích thước: DxH= 1,4 x 2,4m - Vật liệu: Thép CT3, dày 5mm, sơn epoxy Vật liệu lọc: Than hoạt tính, cát thạch anh, sỏi đỡ	Bộ	1
Bể khử trùng - TK08					
1	Đồng hồ đo lưu lượng - FM08	Đài loan	- Loại: cơ - Đường kính: DN125	Bộ	1
2	Bơm định lượng hóa chất javel - DP08A/B	Bluewhite - Mỹ	- Model: C6250-HV - Q= 0-1001/h, H= 0,35kg/cm ² - Điện áp: 0,04kW/220V/1pha	Bộ	2
3	Bồn pha chế hóa chất javel - CT08	Việt Nam	- Vật liệu: PVC - Thể tích: 700lít	Bồn	1
Hệ thống xử lý mùi					
1	Quạt hút khí - EF01	Việt Nam	- Model: QLT-2P02 - Lưu lượng: 2400m ³ /h - Cột áp: 2000Pa - Điện áp: 380V/3pha/50Hz - Motor: 2Hp - Teco (Việt Nam)	Bộ	1
2	Tháp hấp thụ khí thải - TP01	Cleantech - gia công	- Kích thước: DxH = 1,0x2,4m - Vật liệu: Thép CT3, dày 4mm, sơn epoxy - Vật liệu hấp thụ: Than hoạt tính	Bộ	1
Hệ thống điện và đường ống công nghệ					

1	Hệ thống điện điều khiển & điện động lực	Việt Nam/Hàn Quốc/Đài Loan/Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Tủ điện điều khiển: Thép sơn tĩnh điện - Hệ thống PLC - Vật tư cho tủ điện: + Điện động lực dẫn đến các thiết bị, ống đi dây điện và các phụ kiện. + Rơ le trung gian, rơ le bảo vệ mất pha, đèn báo pha, đèn sự cố, đèn báo on, off quá tải, công tắc 3 vị trí, contractor khởi động sao/tam giác, máng, cáp... Cáp: Cadivi - Việt Nam	Hệ	1
2	Hệ thống đường ống công nghệ trong hệ thống xử lý	Việt Nam/Hàn Quốc/Đài Loan	<ul style="list-style-type: none"> - Đường ống dẫn nước: uPVC - Việt Nam - Đường ống dẫn bùn: uPVC - Việt Nam - Đường ống dẫn hóa chất: uPVC - Việt Nam - Đường ống dẫn khí: phần chìm uPVC - Việt Nam & phần nổi SS304 - Van 1 chiều, van cổng, co, tê và các phụ kiện phù hợp chủng loại 	Hệ	1

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2024.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Đối với máy phát điện dự phòng

Cơ sở không sử dụng máy phát điện dự phòng.

2.2. Đối với mùi hôi phát sinh từ Hệ thống XLNT

Trong kiểm soát ô nhiễm không khí, bể xử lý sinh học đơn giản được sử dụng để tiêu thụ chất ô nhiễm trong dòng khí nhiễm bẩn. Phần lớn các hợp chất đều bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật trong những điều kiện nhất định. Điều này luôn đúng đối với các chất hữu cơ, nhưng một số vi sinh vật có thể phân hủy được cả các chất vô cơ như hydrogen sulfide (H₂S) và nitrogen oxides (NO_x).

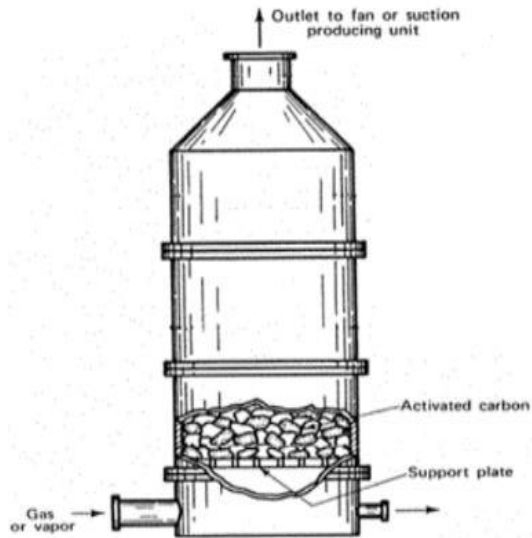
Để đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu vực xử lý, mùi hôi từ các bể sẽ được thu gom về hệ thống xử lý khí bằng quạt hút, các bể này được thiết kế có nắp đậy để tránh phát tán mùi ra xung quanh.

Hệ thống xử lý mùi hôi bao gồm quạt hút khí từ các bể và tháp hấp thụ bằng than hoạt tính.

Dòng khí ở trong tháp sẽ đi từ phía đáy tháp lên đi qua lớp than hoạt tính, mùi hôi sẽ khử hoàn toàn, còn khí sạch sẽ dẫn ra ngoài.

Sơ đồ công nghệ và hình ảnh thực tế bộ phận xử lý mùi tại hệ thống XLNT như sau:

Hình III-4. Bộ phận xử lý mùi



Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2024.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn thông thường: tổng khối lượng khoảng 2,5 tấn/ngày.đêm, chủ yếu từ sinh hoạt của dân cư trong khu dân cư. Đặc thù là khu dân cư, các hộ dân tự chịu trách nhiệm xử lý chất thải rắn của mỗi hộ dân phát sinh. Chất thải này được thu gom hằng ngày.

Chủ cơ sở là đơn vị chịu trách nhiệm lưu giữ và xử lý chất thải rắn phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải và văn phòng ban quản lý khu dân cư.

Đối với khu dân cư, dọc theo các tuyến đường cách khoảng 500m đặt một thùng rác có nắp đậy thể tích khoảng 150l, các thùng rác này sẽ được thu gom định kỳ 1 ngày/lần.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu tại văn phòng làm việc của Ban quản lý. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh bình quân trong ngày: 10kg/ngày.

Thiết bị lưu chứa: Trong văn phòng, Chủ cơ sở đã bố trí các thùng rác có nắp đậy dung tích 30 lít – 60 lít để thu gom chất thải sinh hoạt. Thùng chứa rác thải sinh hoạt có nhãn màu xanh lá.

Tần suất thu gom: 01 ngày/lần.

Phương tiện thu gom: Xe ép rác chuyên dụng.

Hiện tại, Công ty đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ số 01-2024/HTX-KS ngày 01/01/2024 với Hợp tác xã dịch vụ môi trường quận 7 để thu gom chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở.

- **Xử lý bùn thải từ hệ thống XLNT**

Lượng bùn thải phát sinh từ các bể sẽ được thu gom về bể chứa bùn.

Khu chứa bùn nằm ở trong hệ thống XLNT có kích thước L x B x H (m): 5,5 x 3,5 x 4,2 (m). Khu chứa bùn có mái che nắng mưa, biển cảnh báo, nền bê tông cốt thép được tráng xi măng đảm bảo chống thấm.

Hiện tại bùn thải của công ty được xác định là chất thải không nguy hại. Công ty đang hợp đồng chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng xử lý (Công ty TNHH MTV-DV-XD và Môi trường Phương Tân).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Thống kê chất thải nguy hại phát sinh được trình bày bảng sau:

Bảng III-3. Thống kê chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2023 (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1	PH – HR - CL	Công ty TNHH TM-DV- XD và Môi trường Phương Tân
2	Giẻ lau dính dầu, nhớt	18 02 01	1	TĐ	
3	Bao bì mềm thải (bao bì chứa soda)	18 01 01	15	TĐ	
Tổng khối lượng			17	-	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2024.

Chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực xử lý nước thải của khu dân cư rất ít, chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải và bao bì mềm thải chứa hóa chất. Lượng chất thải này sẽ được thu gom vào thùng chứa sau đó sẽ được để thu gom và xử lý bởi Công ty TNHH TM-DV- XD và Môi trường Phương Tân.

Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại, dán nhãn và đặt trong các thùng chứa và được lưu giữ tại khu vực chứa chất thải nguy hại.

Khu vực chứa chất thải nguy hại có mái che có kích thước 10m², Chủ cơ sở cam kết sẽ tuân thủ đúng pháp luật hiện hành trong công tác thu gom, lưu trữ và xử lý các chất

thải nguy hại, cụ thể là tuân thủ theo thông tư số 02/2022/TT-BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực do tiếng ồn và độ rung, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của máy để giảm rung.
- Kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc định kỳ.
- Các trạm máy bơm được lắp đặt trong phòng kín có hệ thống thông thoáng nhằm hạn chế tiếng ồn.

Độ ồn, rung: Đảm bảo độ ồn, rung sinh ra từ quá trình hoạt động của cơ sở sẽ đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2016/BTNMT).

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phòng chống sự cố cháy nổ

Toàn bộ hệ thống phòng cháy chữa cháy của khu dân cư được thiết lập và phê duyệt tại Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Công an TPHCM.

6.2. Phòng chống sự cố từ hệ thống xử lý nước thải

Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn. Luôn bảo trì, kiểm tra máy móc thiết bị một cách thường xuyên và liên tục theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp.

Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống để có những giải pháp vận hành tốt hơn.

Đội ngũ nhân viên vận hành máy móc trong hệ thống xử lý nước thải phải là những người có chuyên môn về môi trường và họ luôn được đào tạo nâng cao nghiệp vụ nhằm ứng phó với những sự cố có thể xảy ra trong thời gian nhanh nhất. Ngoài ra, đội ngũ này cũng được đào tạo thêm về ngành điện cũng như cơ khí.

Các biện pháp ứng phó với các sự cố thường gặp của HTXLNT:

- + Đối với sự cố về bơm: kiểm tra nguồn điện, kiểm tra mực nước có cao hơn bơm hay không, kiểm tra đường ống hút và đầy của bơm, kiểm tra nổi dây, vệ sinh bơm...
- + Đối với sự cố chết vi sinh trong bể sinh học hiếu khí: tăng lưu lượng khí và giảm tải trọng, kiểm tra và điều chỉnh nồng độ pH, vì pH cao hay thấp đều ảnh hưởng đến sự sống của vi sinh vật. Trong trường hợp vi sinh vật không còn khả năng hoạt động.

Khi sự cố xảy ra, phải ngừng tất cả các công đoạn vận hành và báo ngay cho các đơn vị có trách nhiệm liên quan biết, phối hợp khắc phục sự cố một cách nhanh nhất để đưa hệ thống đi vào vận hành ổn định trở lại.

7. Các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt

STT	Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được duyệt	Hiện trạng	Yêu cầu thay đổi
01	Quy mô: hạ tầng kỹ thuật, tiện ích công cộng được xây dựng trên diện tích 68.135 m ² .	Không thay đổi	Không thay đổi
02	Hệ thống thu gom nước mưa nước thải riêng biệt	Không thay đổi	Không thay đổi
03	Trạm xử lý nước thải: 400 m ³ /ngày.đêm; nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – cột A	Không thay đổi	Không thay đổi
04	Xả thải: Nguồn tiếp nhận: Rạch Bàng; Chất lượng nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT – cột A	Nguồn tiếp nhận: Rạch Bàng; Chất lượng nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT – cột A	Nguồn tiếp nhận: Rạch Bàng; Chất lượng nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT – cột B.

Rạch Bàng không nằm trong trong bảng phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn TPHCM. Tuy nhiên, Rạch Bàng là 1 nhánh kết nối của Rạch Đĩa và Rạch Ông Lớn. Theo Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 06/5/2014, phân vùng xả thải tại Rạch Đĩa và Rạch Ông Lớn là loại B. Như vậy tại thời điểm năm 2014, Rạch Bàng đã nằm trong phân vùng xả thải loại B.

Năm 2015, tại thời điểm xây dựng Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn, chúng tôi đã đầu tư xây dựng được hệ thống XLNT 400m³/ngày.đêm, trên phương châm bảo vệ tốt nhất cho môi trường khi thực hiện cơ sở chúng tôi đã cam kết chất lượng nước sau hệ thống XLNT đạt loại A trước khi xả thải vào Rạch Bàng.

Hiện nay, chúng tôi vẫn thực hiện đúng cam kết tại Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường số 2162/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 24/12/2015 là chất lượng nước sau hệ thống XLNT đạt loại A trước khi xả thải vào Rạch Bàng.

Tuy nhiên, việc tiếp tục duy trì chất lượng xử lý nước thải của Trạm Xử lý nước thải Khu dân cư Tân Phong-Kim Sơn đạt tiêu chuẩn cột A trước khi xả thải ra Rạch Bàng trong thời gian dài sẽ trở nên rất khó khăn vì chi phí vận hành Trạm xử lý nước thải hiện nay rất lớn, hoàn toàn do Chủ đầu tư chi trả. Dự kiến cuối năm 2025 Công ty Kim Sơn sẽ kết thúc công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hoàn thành đầu tư và bàn giao toàn bộ cơ sở hạ tầng của dự án cho các cơ quan có thẩm quyền để quản lý, khai thác sử dụng. Sau đó, về nguyên tắc, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn sẽ kết thúc mọi trách nhiệm đối với các công trình xây dựng tại dự án, trong đó có Trạm xử lý nước thải. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có quy định giao Trạm xử lý nước thải của Khu dân cư Tân Phong - Kim Sơn cho cơ quan hay đơn vị nào tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi Công ty kết thúc trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án.

Trên thực tế, hiện nay có một số cơ sở kế cận với Khu dân cư Tân Phong - Kim Sơn đã được cấp phép xả thải nước theo tiêu chuẩn cột B sau xử lý ra đoạn Rạch Bàng cùng khu vực với Khu dân cư Tân Phong - Kim Sơn (chẳng hạn như cơ sở Siêu thị Lotte Mart quận 7 trên đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng).

Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị nhận bàn giao vận hành Trạm xử lý nước thải sau này, khi Công ty Kim Sơn kết thúc dự án, đồng thời phù hợp với chất lượng nước thải mà các đơn vị lân cận được cấp phép xả thải, tạo sự thống nhất trong quản lý nhà nước về môi trường, Công ty xin được cấp phép xả thải nước sau xử lý qua Trạm xử lý nước thải của dự án Khu dân cư Tân Phong -Kim Sơn theo đúng quy định phân vùng xả thải tại quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 là xả thải vào Rạch Bàng theo tiêu chuẩn nước ở **cột B**.

Tóm lại, tại hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường này, chúng tôi xin phép đề xuất giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước xả thải vào Rạch Bàng là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt **QCVN 14:2008/BTNMT – cột B**.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung cấp phép đối với nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải:

Chủ yếu phát sinh từ các khu nhà liền kề, biệt thự, khu dịch vụ, trường học... Thành phần nước thải gồm các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, chất dinh dưỡng và vi sinh với các thông số ô nhiễm đặc trưng là pH, COD, BOD, TSS, N tổng, P tổng, dầu mỡ động thực vật, vi khuẩn...

b. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Bàng.
- Vị trí xả nước thải:
 - + Vị trí xả thải: cách hệ thống xử lý nước thải 500m về phía Tây Bắc, nước thải sau xử lý được xả vào rạch Bàng;
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°): X = 1.187.500, Y = 603.967;
- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 400 m³/ngày.đêm.
 - + Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý (sau hệ thống XLNT công suất 400 m³/ngày) phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và được giám sát trước khi xả tự chảy ra rạch Bàng theo tuyến cống PVC Ø 400 mm vào rạch Bàng. Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường;
 - + Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ);
 - + Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B; cụ thể như sau:

Bảng IV-1. Thông số và giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT cột A	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần (theo quy định tại Điều 97 Nghị
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50	

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT cột A	Tần suất quan trắc định kỳ
3	TSS	mg/L	100	định số 08/2022/NĐ- CP)
4	TDS	mg/L	1.000	
5	Amoni	mg/L	10	
6	Nitrate	mg/L	50	
7	Photphate	mg/L	10	
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	4	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20	
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	10	
11	Coliform	MPN/100mL	5.000	

2. Nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và yêu cầu về Bảo vệ môi trường

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động. Do đó, không phải xin cấp phép đối với hoạt động xử lý chất thải nguy hại.

3. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

Cơ sở không thực hiện việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài về làm nguyên liệu sản xuất. Do đó, không phải xin cấp phép đối với hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1. Quản lý chất thải

4.1.1. *Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh*

a. **Chất thải nguy hại**

Khối lượng và chủng loại CTNH dự kiến phát sinh tại cơ sở như Bảng IV.2 sau:

Bảng IV-2. Thành phần và số lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải rắn	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	0,5	16 01 06
2	Bao bì mềm thải	Rắn	60	18 01 01
3	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	5	18 02 01
Tổng cộng			65,5	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2024.

b. Chất thải kiểm soát (bùn từ hệ thống XLNT)

Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở được ước tính như bảng sau:

Bảng IV-3. Khối lượng chất thải rắn thông thường trong giai đoạn hoạt động

STT	Thành phần	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống Xử lý nước thải	12 06 05	140

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2024

c. Chất thải sinh hoạt

Chất thải rắn thông thường: tổng khối lượng khoảng 2,5 tấn/ngày.đêm, chủ yếu từ sinh hoạt của dân cư trong khu dân cư. Đặc thù là khu dân cư, các hộ dân tự chịu trách nhiệm xử lý chất thải rắn của mỗi hộ dân phát sinh. Chất thải này được cơ quan chức năng thu gom hằng ngày.

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại. Hiện tại, Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TMDV và Môi trường Phương Tân thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Do đó, không phải xin cấp phép đối với dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

Để giảm thiểu tối đa tác động do chất thải nguy hại của nhà máy hiện hữu, Chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Kê khai chất thải nguy hại theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”.

- Chất thải nguy hại được thu gom vào thùng chứa riêng biệt theo đúng quy định. Chủ cơ sở sẽ bố trí các ngăn chứa các loại rác thải nguy hại của nhà máy. Dán nhãn từng loại chất thải nguy hại tại các ngăn chứa.
- Chất thải nguy hại được lưu trữ ở khu vực riêng biệt:
 - + Khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 10 m² đặt ở hệ thống XLNT được thiết kế tránh nguy cơ cháy nổ và đổ tràn, bảo đảm tách riêng các chất không tương thích;
 - + Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có vách, có mái tôn đảm bảo che kín nắng, mưa; Nền xi măng đảm bảo chống thấm và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - + Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng, giẻ lau để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.
- Chủ cơ sở cam kết sẽ tuân thủ đúng pháp luật hiện hành trong công tác thu gom, lưu trữ và xử lý các chất thải nguy hại, cụ thể là tuân thủ theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”.

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Trong văn phòng chủ cơ sở bố trí thùng thu rác dung tích 30 lít để thu gom chất thải sinh hoạt.
- Vào cuối ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom rác thải sinh hoạt từ văn phòng và đưa đi xử lý. Không lưu chứa qua ngày tại văn phòng. Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện công việc này – Hợp tác xã TMDV Môi trường quận 7.

c. Bùn thải từ Hệ thống Xử lý nước thải

Khu chứa bùn nằm ở trong hệ thống XLNT có kích thước L x B x H (m): 5,5 x 3,5 x 4,2 (m). Khu chứa bùn có mái che nắng mưa, biển cảnh báo, nền bê tông cốt thép được tráng xi măng đảm bảo chống thấm.

Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì hiện nay bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải có mã bùn 12 06 10 thì bùn thải phát sinh này là chất thải công nghiệp thông thường.

Hiện tại, bùn thải của Công ty được xác định là chất thải thông thường. Công ty đang hợp đồng chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng xử lý (Công ty TNHH MTV-DV-XD và Môi trường Phương Tân).

4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có)

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chậm nhất là 20 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ cơ sở thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND cấp xã (phường) nơi hoạt động của cơ sở.

Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12), báo cáo gửi về trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

- Thời gian quan trắc: 14/12/2023 và 29/3/2024.
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu và thông số quan trắc được trình bày tại Bảng 3 sau:

Bảng V-1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Số lượng	Vị trí lấy mẫu (VN2000)		Mô tả điểm quan trắc
			X	Y	
1	Nước thải sau xử lý	01	604.205	1.187.095	Nước thải sau HTXLNT

Nguồn: Công ty CP XD và KD Nhà Kim Sơn, 2023.

Bảng V-2. Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý

STT	Thông số	Đơn vị	Tháng 12/2023	Tháng 3/2024	QCVN 14:2008/BTNMT cột A
1	pH	-	4,98	6,8	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	11	15	30
3	TSS	mg/L	12	8	50
4	TDS	mg/L	367,9	236	500
5	Amoni	mg/L	KPH	KPH	5
6	Nitrate	mg/L	4,95	3,12	30
7	Photphat	mg/L	4,3	1,2	6
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	KPH	KPH	1.0
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH	KPH	10
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH	KPH	5
11	Coliform	MPN/100mL	930	940	3.000

Nguồn: Trung tâm Công nghệ Môi trường, 2023.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải:

Chủ cơ sở không thực hiện hạng mục này.

Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

Khu dân cư có hệ thống xử lý nước thải có lưu lượng xả thải là 400 m³/ngày.đêm. Vì vậy không thực hiện quan trắc tự động.

Để thực hiện đúng quy định hiện hành và kiểm soát chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường của hệ thống xử lý nước thải của Khu dân cư và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống XLNT, bộ phận quản lý hệ thống XLNT tập trung sẽ thực hiện chương trình quan trắc, kiểm soát chất lượng nước thải trước và sau xử lý, chương trình này được thực hiện lồng ghép cùng với chương trình quan trắc chất lượng môi trường tại khu dân cư.

- Biện pháp: Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu theo đúng quy định (Đơn vị được lựa chọn có đủ chức năng cho việc thực hiện quan trắc môi trường theo quy định hiện hành).
- Tần suất quan trắc nước thải sau xử lý: 3 tháng/lần.
- Thông số: pH, BOD₅ (20°C), TSS, TDS, Amoni, Nitrate, Photphate, Sunfua (S²⁻), Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Hàng năm, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn có kế hoạch dự trù ngân sách kinh phí cho các hoạt động về môi trường trong đó có kinh phí quan trắc chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Kinh phí dự trù được thể hiện ở như bảng VI-I sau:

Bảng VI-1. Kinh phí quan trắc chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

STT	Hạng mục	Kinh phí (đồng/năm)
1	Công tác giám sát môi trường	50.000.000
2	Kinh phí nạo, vét hệ thống thu gom và xả nước thải	50.000.000
3	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	20.000.000
4	Kinh phí tập huấn, phòng ngừa sự cố môi trường	20.000.000
Tổng cộng		140.000.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn, 2024.

Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian từ năm 2021 tới thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Khu dân cư Tân Phong – Kim Sơn thì, vào ngày 08/9/2023 Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn có tiếp đoàn Thanh tra của Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM theo Quyết định số 1055/QĐ-STNMT-TTr ngày 08/9/2023 về kiểm tra chấp hành luật bảo vệ môi trường đối với Khu dân cư Tân Phong - Kim Sơn tại phường Tân Phong, quận 7, TPHCM.

Kết quả kiểm tra như sau:

1. Các hành vi vi phạm:

- Hành vi không có giấy phép môi trường, vi phạm điểm c Khoản 3 Điều 14 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Hành vi không có báo cáo công tác bảo vệ môi trường, vi phạm Khoản 1 Điều 43 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Ngày 02 tháng 10 năm 2023, Thanh tra Sở có Thư mời số 906/TM-TTr;
- Hành vi không vận hành hệ thống xử lý nước thải, vi phạm điểm d Khoản 3 Điều 14 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Hoạt động khắc phục các vi phạm

Công ty tập trung khắc phục các hành vi vi phạm nêu trên như sau:

- Đang trong quá trình thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
- Đã thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường quý 4 năm 2023, cam kết thực hiện đầy đủ công tác này trong thời gian hoạt động của cơ sở.
- Đã tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải của Khu dân cư một cách liên tục và hiệu quả. Đảm bảo chất lượng nước sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A theo đúng cam kết tại hồ sơ môi trường được cấp.

Ngoài ra Công ty đã hoàn thành đóng phạt theo Quyết định số 5531/QĐ-XPHC ngày 25/11/2023 về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Biên lai 191223.0009.000096 ngày 19/12/2023.

Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chủ cơ sở - Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này. Nếu có gì sai trái, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan

Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn cam kết thực hiện nghiêm túc các vấn đề sau:

- Chủ cơ sở cam kết chấp hành, thực hiện đúng và đủ các quy định pháp luật hiện hành khi đề xuất cấp giấy phép môi trường và hoàn thiện những nội dung yêu cầu, đánh giá của các thành viên hội đồng.
- Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng.
- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình để giảm thiểu ô nhiễm bụi, chất lượng nước mưa chảy tràn, bồi lắng, úng ngập do quá trình hoạt động của cơ sở; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh.
- Thu gom xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của khu dân cư đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.
- Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình vận hành bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.
- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

- Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công và vận hành.
- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
- Chủ cơ sở cam kết đảm bảo đủ điều kiện và hoàn thành các thủ tục gồm: pháp lý về đất đai, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, các yêu cầu khi được thẩm định thiết kế xây dựng công trình do cơ quan quản lý nhà nước cấp phép
- Chủ cơ sở cam kết chấp hành đầy đủ các điều khoản của Luật Đầu tư, Luật PCCC và các quy định pháp luật khác có liên quan đến cơ sở khi đi vào hoạt động.
- Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với GPMT đã được duyệt, Chủ cơ sở sẽ có văn bản báo cáo và chỉ thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Văn bản pháp lý

1. Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu và thay đổi lần gần nhất.
2. Biên bản thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đối với cơ sở từ năm 2020 đến thời điểm hiện tại.
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
4. Các giấy tờ môi trường của cơ sở đã được phê duyệt: Quyết định phê duyệt quy hoạch, Giấy phép xây dựng, quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường...
5. Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
6. Hồ sơ hoàn công công trình BVMT đã đầu tư xây dựng.

Phụ lục B: Bản vẽ kỹ thuật

1. Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường đã đầu tư xây dựng: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 400 m³/ngày.đêm.
2. Bản vẽ mạng lưới thoát nước mưa, nước thải của khu dân cư.

Phục lục C: Kết quả phân tích